

Quy chế kiểm duyệt âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc giai đoạn từ 2008 đến 2019

Nguyễn Thị Hạnh Dung

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Phân tích về kiểm duyệt âm nhạc đại chúng Hàn Quốc chủ yếu tập trung vào giai đoạn từ thời kỳ Nhật Bản đô hộ nước này đến những năm 1990, liên quan đến đối tượng chịu kiểm tra, kiểm duyệt (lời bài hát, ca sĩ, nhà soạn nhạc, v.v.) và các cơ quan kiểm duyệt. Giai đoạn từ sau năm 2000, đặc biệt là sau 2008, quy chế kiểm duyệt có sự thay đổi nhưng chưa được nghiên cứu đầy đủ. Bài tham luận tập trung tìm hiểu sự thay đổi trong quy chế kiểm duyệt âm nhạc đại chúng từ 2008 đến nay thông qua phân tích tổng hợp các nghiên cứu hiện có và các bài viết báo chí Hàn Quốc, từ đó làm rõ ý nghĩa chính trị, xã hội và phản ứng của công chúng về hiện tượng kiểm duyệt âm nhạc tại nước này.

Từ khóa: âm nhạc đại chúng Hàn Quốc Hallyu, Kpop, Hàn Quốc, kiểm duyệt âm nhạc Hàn Quốc

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc kiểm soát và kiểm duyệt âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc đã tồn tại từ rất lâu, được xem là công cụ do hệ thống cầm quyền thiết lập nhằm kiểm soát tư tưởng và xây dựng một xã hội quản lý có hệ thống. Các cơ quan nhà nước kiểm soát toàn bộ quy trình từ sản xuất, phân phối đến lưu hành bài hát thông qua các công cụ kiểm duyệt, khiến ngành công nghiệp âm nhạc (thu âm và phát sóng) mang đậm tính xã hội và chính trị. Dù trải qua nhiều giai đoạn cầm quyền khác nhau, các bài hát bị coi là thô tục, suy đồi và có thể gây ảnh hưởng xấu đến xã hội đều bị cấm lưu hành tại Hàn Quốc. Điều này cho thấy việc kiểm duyệt âm nhạc không chỉ được thực hiện trên góc nhìn quy chuẩn đạo đức mà còn phản ánh hệ tư tưởng thống trị, phục vụ mục đích chính trị theo hệ tư tưởng của từng chế độ [1, 2]. Tuy vậy, các nghiên cứu về kiểm duyệt âm nhạc tại Hàn Quốc thường tập trung phân tích nội dung liên quan theo khung thời gian từ thời kỳ Nhật Bản đô hộ Hàn Quốc đến những năm 1990, lý do lời bài hát, nghệ sĩ bị kiểm duyệt và hệ thống kiểm duyệt, đặc biệt là giai đoạn thể chế Yushin (1970). Nghiên cứu này tóm tắt các thay đổi trong quy định kiểm duyệt âm nhạc tại Hàn Quốc trong giai đoạn sau 2008, khi kiểm duyệt âm nhạc được áp dụng mạnh mẽ trở lại sau một thời gian được nới lỏng, qua đó tìm hiểu những hàm ý liên quan hệ tư tưởng của các nhà cầm quyền Hàn Quốc qua việc kiểm duyệt này.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Theo Althusser L. [3], Bộ máy Nhà nước Ý thức hệ (Ideological State Apparatuses - ISA), hoạt động chủ

yếu bằng ý thức hệ (giáo dục, gia đình, truyền thông, tôn giáo, văn hóa), đóng vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất ý thức hệ của xã hội bằng cách truyền bá ý thức hệ của giai cấp thống trị, khiến các cá nhân tự nguyện tuân theo. Kiểm duyệt được xem là một trong những chức năng của bộ máy nhà nước ý thức hệ để duy trì trật tự xã hội và ý thức hệ chủ đạo. Foucault M. [4] cho rằng quyền lực không chỉ đến từ nhà nước mà còn len lỏi vào các thể chế xã hội, định hình "sự thật", điều gì là "bình thường" hay "bất thường". Kiểm duyệt, theo Foucault, không chỉ là hành động cấm đoán mà còn là một cơ chế sản xuất tri thức, xác định nội dung được phép phát ngôn và nội dung bị loại trừ khỏi diễn ngôn công khai, tạo ra một "chế độ chân lý" (regime of truth). Các nhà nghiên cứu tiêu biểu của Chủ nghĩa cấu trúc (Structuralism) cũng cho rằng kiểm duyệt không chỉ là một hành động đơn lẻ mà là một phần của hệ thống quyền lực và tri thức. Trong đó, lý thuyết cấu trúc hóa (Structuration Theory) của Giddens A. [5] nhấn mạnh các cấu trúc xã hội (như luật kiểm duyệt, các quy tắc của ngành công nghiệp giải trí, các giá trị đạo đức xã hội) vừa là phương tiện vừa là kết quả của hành động của con người, cấu trúc xã hội ảnh hưởng đến hành động của công chúng, còn hành động của công chúng góp phần tái tạo hoặc thay đổi cấu trúc xã hội. Xét trong bối cảnh chủ đề kiểm duyệt âm nhạc Hàn Quốc, các luật kiểm duyệt và quy định của ngành công nghiệp âm nhạc Hàn Quốc đã định hình cách nghệ sĩ sản xuất âm nhạc, cách các công ty giải trí quảng bá, và cách báo chí đưa tin. Đồng thời, phản ứng của công

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hạnh Dung

Email: dungnth@hiu.vn

chúng như các chiến dịch phản đối kiểm duyệt, sự đổi mới của nghệ sĩ để lách luật, hay cách báo chí đưa tin góp phần gây áp lực lên các cơ quan quản lý, dẫn đến việc xem xét lại hoặc thay đổi các quy định kiểm duyệt theo thời gian.

Các nghiên cứu về kiểm duyệt và kiểm định âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc thường được tiến hành theo hai phương hướng. Nhóm thứ nhất tập trung vào việc mô tả và phân tích các tiêu chuẩn hoặc quy định kiểm duyệt do các đài truyền hình, cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Nhóm nghiên cứu này chủ yếu giải thích lý do vì sao một bài hát bị cấm hoặc hạn chế phát sóng, đồng thời phân tích ý nghĩa chính trị xã hội của hiện tượng trong từng bối cảnh lịch sử. Theo đó, việc cấm sóng hoặc lưu hành bài hát không đơn thuần nhằm điều chỉnh “thị hiếu” hay “đạo đức xã hội” mà luôn gắn với mục tiêu ổn định chính trị, quản lý dư luận hoặc gìn giữ các chuẩn mực văn hóa mà chính quyền mong muốn. Nhóm thứ hai tập trung nghiên cứu thực trạng hệ thống đánh giá nội dung phát sóng âm nhạc, phân tích hoạt động của các cơ quan kiểm định, đưa ra các điểm bất cập mang tính cấu trúc trong hệ thống đánh giá nội dung phát sóng truyền hình như quy định chong chéo, tiêu chí mơ hồ, sự không nhất quán giữa các đài, và khoảng trống pháp lý khi áp dụng luật, từ đó đề xuất giải pháp cho các điểm bất cập liên. Nhóm nghiên cứu này đều thiên về luận điểm dù kiểm duyệt trực tiếp đã thay đổi về mặt thuật ngữ, việc kiểm soát nội dung tại Hàn Quốc vẫn diễn ra thông qua các hình thức quản lý “mềm”, dựa trên diễn giải rộng của luật và tiêu chuẩn đạo đức.

Từ đầu những năm 2000, thuật ngữ “kiểm duyệt phát sóng” và “kiểm duyệt âm nhạc” dần ít xuất hiện trong các văn bản chính thức và được thay thế bằng thuật ngữ “đánh giá - kiểm định nội dung”. Tuy nhiên, sự thay đổi này mang tính hình thức hơn là bản chất, chủ yếu chuyển dịch từ hình thức kiểm duyệt trực tiếp sang các cơ chế quản lý mềm dựa trên Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên và các quy định phát sóng. Các nghiên cứu của Kwon [6], Kwon [7] và Korean Association for Broadcasting & Telecommunication Studies (KABTS) [8] đều chỉ ra rằng những tiêu chuẩn đánh giá mới vẫn duy trì vai trò của kiểm duyệt truyền thống: Tiếp tục phân loại, hạn chế hoặc loại trừ nội dung theo định hướng chính trị - xã hội về trẻ vị thành niên, đạo đức và chuẩn mực gia đình. Như vậy, dù bề ngoài cơ chế kiểm duyệt có phần nào được hiện đại hóa, giảm tính áp đặt, nhưng nền tảng của nó vẫn được kế thừa từ các hệ thống kiểm soát văn hóa trước đó.

Bên cạnh hai hướng tiếp cận theo chức năng nói

trên, các nghiên cứu về kiểm duyệt âm nhạc Hàn Quốc cũng góp phần hình thành một góc nhìn theo trục thời gian. Liên quan đến việc kiểm định âm nhạc tại Hàn Quốc vào thời kỳ Nhật Bản đô hộ, Lee [9] phân tích âm nhạc bị kiểm soát gắt gao vì bị xem là công cụ truyền bá tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, đe dọa trật tự thuộc địa. Về công tác kiểm soát âm nhạc sau khi Hàn Quốc giành độc lập, Kim [1] và Moon [2] phân tích hệ thống kiểm duyệt tiếp tục được duy trì trong thời kỳ Yushin, khi các ủy ban đạo đức văn hóa và các bộ ngành phối hợp để xác định nội dung nào “phản xã hội”, “thiếu lành mạnh” hoặc “đe dọa an ninh quốc gia”. Trong cả hai thời kỳ, âm nhạc không chỉ là một sản phẩm nghệ thuật mà còn là một công cụ chính trị, và vì vậy được đặt dưới sự giám sát liên tục.

Sau năm 1996, khi Tòa án Hiến pháp tuyên bố bãi bỏ hệ thống kiểm duyệt trước, các nghiên cứu bắt đầu chuyển hướng sang khảo sát các hình thức tự kiểm duyệt của đài truyền hình và hệ thống phân loại nội dung theo độ tuổi. Dù về mặt pháp lý, kiểm duyệt trực tiếp đã kết thúc, nhưng như Kwon [6], Kwon [7] và KABTS [8] phân tích, các đài truyền hình Hàn Quốc vẫn duy trì một hệ thống đánh giá nội dung chặt chẽ, dựa trên các tiêu chí chưa rõ ràng và áp dụng không đồng nhất. Điều này khiến các quyết định kiểm định phụ thuộc nhiều vào diễn giải chủ quan của cơ quan thẩm định. Dù kiểm duyệt trực tiếp bị bãi bỏ vào năm 1996, các cơ chế kiểm soát mềm vẫn duy trì và tích tụ trong suốt hai chính quyền Kim Dae-jung và Roh Moo-hyun, tạo tiền đề để chúng được tái kích hoạt mạnh mẽ dưới thời Lee Myung-bak.

Từ giai đoạn sau năm 2008, cơ chế kiểm duyệt âm nhạc tại Hàn Quốc bước vào một thời kỳ quan trọng khi chính quyền Tổng thống Lee Myung-bak theo đuổi đường lối văn hóa bảo thủ và thành lập Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông Hàn Quốc (KCSC). Theo tổng hợp trong nghiên cứu của Na [10] và Lee [11], số lượng bài hát bị đánh giá “không lành mạnh” tăng mạnh trong thời kỳ này, và phạm vi đánh giá nội dung được mở rộng từ lời bài hát sang hình ảnh, trang phục, vũ đạo và biểu cảm sân khấu. Trong bối cảnh thanh thiếu niên trở thành nhóm khán giả chính của công nghiệp thần tượng, các quy định về “ảnh hưởng tiêu cực” được áp dụng mạnh mẽ hơn, tạo ra không ít tranh cãi. Cũng từ thời điểm này, các đài truyền hình tại Hàn Quốc, sau một thời gian dỡ bỏ lệnh cấm đối với hầu hết các bài hát, lại tiếp tục đưa ra một danh sách các bài hát bị cấm sóng đối với các bài hát nổi tiếng vào thời điểm đó (Taeyang, Seven, Seo Taiji, v.v.) với luận điểm các nội dung này gây ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ vị thành niên, chỉ

cho phép phát sóng vào đêm khuya [7]. Những năm sau đó, các bài hát của ca sĩ indie lẫn nhóm nhạc thần tượng nổi tiếng như TVXQ, 10 cm, BEAST cũng bị đánh giá là có tác động tiêu cực theo Đạo luật Bảo vệ trẻ vị thành niên, bị hạn chế trên sóng truyền hình hoặc trong các hoạt động biểu diễn. Hiện tượng này cho thấy việc nới lỏng kiểm duyệt trong những năm trước đó chỉ mang tính tạm thời; hệ tư tưởng kiểm soát nội dung vẫn tồn tại và được tái khẳng định khi chính sách văn hóa chuyển sang hướng bảo thủ hơn. Năm 2019, là giai đoạn cầm quyền của chính quyền Tổng thống Moon Jae-in, vốn được đánh giá khá cởi mở về chính sách văn hóa và nghệ thuật, nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy tự do sáng tạo và sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, hoạt động kiểm duyệt âm nhạc vẫn tiếp diễn. Việc đài truyền hình KBS cấm sóng bài hát "Kill This Love" của Black Pink, một trong những nhóm nhạc thần tượng nổi tiếng vào năm 2019 là một ví dụ tiêu biểu cho thấy các tiêu chuẩn truyền thống, xu hướng kiểm soát nội dung, thiết lập rào cản về lưu hành nội dung vẫn tiếp tục vận hành, tạo sức ảnh hưởng đến các quyết định quản lý văn hóa tại Hàn Quốc, dù cho bối cảnh chính trị có thay đổi.

Bên cạnh các nghiên cứu tập trung vào hệ thống kiểm duyệt truyền thống, các thảo luận học thuật gần đây cũng cho thấy hướng tiếp cận mới tập trung vào bối cảnh kiểm định nội dung trong môi trường số và sự can thiệp ngày càng rõ của các nền tảng trực tuyến. Báo cáo thường niên của Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông Hàn Quốc (KCSC) giai đoạn 2021 - 2023 ghi nhận sự gia tăng đáng kể số trường hợp xử lý liên quan đến video âm nhạc, livestream và nội dung mạng xã hội, đặc biệt trong các danh mục "ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ vị thành niên" và "hình ảnh không phù hợp với nhóm tuổi" [12]. Điều này cho thấy quyền lực kiểm duyệt đã mở rộng khỏi phạm vi truyền hình truyền thống để bao gồm cả môi trường kỹ thuật số. Trong lĩnh vực phân phối âm nhạc, các báo cáo của Cơ quan Nội dung sáng tạo Hàn Quốc (KOCCA) [13] về ngành công nghiệp K-pop nhấn mạnh vai trò ngày càng lớn của thuật toán, đặc biệt là YouTube và TikTok, trong việc xác định mức độ lan tỏa của video âm nhạc. Các nền tảng này áp dụng tiêu chí phân loại và hạn chế nội dung dựa trên hệ thống đánh giá của chính nền tảng, đôi khi nghiêm ngặt hơn so với các tiêu chí của cơ quan quản lý trong nước. Điều này cho thấy một phần quan trọng của việc kiểm soát nội dung âm nhạc ngày nay tại Hàn Quốc diễn ra ở cấp độ thuật toán và quy trình đánh giá nội dung nội bộ của nền tảng. Bên cạnh đó, theo nghiên cứu của Park [14], quá trình "đàn chủ hóa chậm trễ" trong chính sách văn hóa của Hàn

Quốc khiến các cơ chế kiểm duyệt cổ điển tiếp tục tồn tại dưới dạng "quản lý mềm", ngay cả khi chúng không còn được quy định trực tiếp bằng pháp luật. Webber [15] tiến hành hệ thống hóa lịch sử kiểm duyệt giải trí Hàn Quốc, từ đó đúc kết rằng kiểm soát văn hóa hiện đại, bao gồm cả kiểm duyệt trong môi trường số, là sự kế thừa của các mô hình trước đó. Nghiên cứu của Ujjwal [16] và Oh [17] cho thấy sự lan tỏa của K-pop vẫn gắn chặt với chuẩn mực xã hội-thị trường, hình thành các giới hạn vô hình về nội dung, góp phần bổ sung cho lập luận rằng công tác kiểm duyệt nội dung âm nhạc đương đại tại Hàn Quốc không chỉ đến từ nhà nước mà còn từ nền tảng và khán giả. Tóm lại, giai đoạn gần đây nhất chứng kiến việc kiểm soát âm nhạc tại Hàn Quốc bước vào giai đoạn đa tầng, nơi cơ quan quản lý, nền tảng số và phản ứng công chúng cùng tham gia tạo nên cấu trúc kiểm soát nội dung.

Như vậy, có thể thấy rằng việc kiểm duyệt âm nhạc tại Hàn Quốc mang tính lịch sử liên tục và thường được tái cấu trúc theo mục tiêu chính trị - xã hội của từng thời kỳ; giai đoạn 2008 - 2019 có thể được xem là giai đoạn chứng kiến sự chuyển đổi quan trọng khi các cơ chế kiểm duyệt được khôi phục và mở rộng dưới dạng hỗn hợp giữa chính phủ, đài truyền hình, nền tảng số. Tuy vậy, các nghiên cứu hiện có chưa nhiều phân tích liên quan theo trục thời gian dài để giải thích đầy đủ sự thay đổi của quy định kiểm duyệt âm nhạc trong giai đoạn 2008 - 2019. Do đó, từ phân tích tài liệu học thuật và tin tức báo chí, nghiên cứu này tổng hợp các thay đổi nổi bật trong việc kiểm duyệt sau năm 2008, từ đó làm rõ ý nghĩa chính trị và xã hội của kiểm duyệt âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc giai đoạn này.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của bài viết này là quy chế kiểm định và kiểm duyệt âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc trong giai đoạn từ 2008 đến 2019. Để phân tích một hiện tượng mang bản chất vừa văn hóa, vừa chính trị, nghiên cứu vận dụng phương pháp tiếp cận liên ngành âm nhạc - chính trị, kết hợp hai phương pháp định tính là phân tích tài liệu và phân tích diễn ngôn báo chí. Cách tiếp cận liên ngành được xây dựng dựa trên quan điểm của Althusser L. [3] và Foucault M. [4]. Theo Althusser L. [3], các thiết chế văn hóa - truyền thông như nhà trường, đài truyền hình, báo chí hay cơ quan thẩm định nội dung vận hành như các bộ máy ý thức hệ của nhà nước, có vai trò tái sản xuất trật tự xã hội và hệ giá trị chi phối đời sống văn hóa - nghệ thuật. Như vậy, hoạt động kiểm duyệt âm nhạc không chỉ là hoạt động pháp lý - hành chính, mà còn là công cụ duy trì

hệ chuẩn mực mà nhà nước mong muốn áp đặt lên lĩnh vực văn hóa đại chúng. Bên cạnh đó, Foucault cho rằng quyền lực vận hành thông qua mạng lưới giám sát, diễn ngôn và cơ chế kỷ luật nhằm điều chỉnh hành vi cá nhân và tập thể [4]. Do đó, những tiêu chí “không lành mạnh”, “ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ vị thành niên” hay “không phù hợp phát sóng” có thể được hiểu như một hình thức kỷ luật hóa hành vi nghệ thuật, trong đó cơ quan kiểm duyệt, đài truyền hình và truyền thông đại chúng cùng tham gia tái tạo quy chuẩn liên quan những điều được xem là đúng mực trong không gian âm nhạc đại chúng.

Song song đó, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa các nghiên cứu trước, văn bản pháp lý, tiêu chí đánh giá nội dung phương pháp này giúp nghiên cứu tìm hiểu căn cứ pháp lý, nguyên tắc phân loại nội dung và bối cảnh chính trị - xã hội chi phối sự hình thành, phát triển của cơ chế kiểm duyệt tại Hàn Quốc trong giai đoạn nêu trên. Phương pháp phân tích diễn ngôn báo chí (media discourse analysis) cũng được áp dụng, giúp xem xét cách các phương tiện truyền thông Hàn Quốc xây dựng các lập luận, cách thức thể hiện về các vụ việc kiểm duyệt âm nhạc. Phương pháp này tập trung vào việc giải mã ý nghĩa và bối cảnh của ngôn ngữ, thay vì chỉ đơn thuần mã hóa nội dung [18]. Từ đó, nghiên cứu xem xét cách báo chí sử dụng ngôn ngữ và các khung lập luận (framing) để định hình nhận thức của công chúng, ví dụ như việc xem kiểm duyệt là hành động bảo vệ đạo đức xã hội hay sự đàn áp tự do nghệ thuật. Thông qua việc phân tích diễn ngôn này, nghiên cứu có thể làm rõ cách truyền thông đại chúng định hình nhận thức của công chúng về kiểm duyệt âm nhạc mà không cần mã hóa định lượng [19].

Sự kết hợp giữa tiếp cận liên ngành âm nhạc - chính trị, phân tích tài liệu, phân tích diễn ngôn báo chí giúp nghiên cứu phần nào mô tả được sự thay đổi các quy định kiểm duyệt âm nhạc trong giai đoạn từ 2008 đến 2019, đồng thời lý giải được cách các thiết chế văn hóa - truyền thông tái tạo quyền lực và chuẩn mực xã hội trong lĩnh vực âm nhạc đại chúng Hàn Quốc trong giai đoạn này.

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

4.1. Quy chế kiểm duyệt âm nhạc đại chúng của Hàn Quốc trước năm 2008

4.1.1 Thời kì Nhật Bản đô hộ, giai đoạn khởi đầu của kiểm duyệt âm nhạc đại chúng tại Hàn Quốc

Việc quản lý âm nhạc tại Hàn Quốc có nguồn gốc từ đầu thế kỷ XX, khi chính quyền thuộc địa Nhật Bản áp đặt sức ảnh hưởng sâu sắc đến chính sách văn

hóa nghệ thuật. Trong thời kỳ này, âm nhạc bị kiểm duyệt và kiểm soát chặt chẽ như một công cụ để duy trì trật tự thuộc địa và ngăn chặn tinh thần tự cường của người dân Hàn Quốc. Từ những năm 1920, âm nhạc đại chúng bắt đầu phát triển, kéo theo các quy định liên quan. Dưới sự kiểm soát của Phủ Tổng đốc Triều Tiên, cơ chế kiểm duyệt âm nhạc được tiến hành thông qua việc cấm hoặc khuyến khích một số thể loại âm nhạc cụ thể [18]. Việc kiểm duyệt âm nhạc chủ yếu tập trung vào sách hát, thánh ca, buổi biểu diễn, đĩa nhạc và bài hát trong trường. Các đối tượng này bị kiểm duyệt chủ yếu là vì hai lý do: Nội dung lời bài hát có thể truyền tải và nuôi dưỡng tinh thần dân tộc Hàn Quốc lớn mạnh; các thể loại như nhạc kịch, xướng kịch truyền thống có sức ảnh hưởng lớn đến công chúng, mang lại hy vọng và niềm vui về độc lập trong hoàn cảnh đất nước bị đô hộ. Các bài hát liên quan đến Cơ đốc giáo cũng thường bị chính quyền đô hộ kiểm soát chặt chẽ, do chính quyền không thiện cảm với các tổ chức Cơ đốc giáo. Có ba nguyên nhân chính: Triết lý Cơ đốc giáo mâu thuẫn với thuyết thờ phụng Thiên hoàng và tín ngưỡng thờ thần của Nhật Bản; các hội thánh Cơ đốc giáo Hàn Quốc có quan hệ mật thiết với phong trào dân tộc và độc lập; các nhà truyền giáo Cơ đốc giáo thường có liên hệ với Anh và Mỹ, các đế quốc đối đầu với Nhật Bản [19].

Sự xuất hiện của công ty thu âm Oke Records đầu thập niên 1930 khiến thị trường băng đĩa Hàn Quốc phát triển, công chúng đón nhận, chính quyền đô hộ phải áp dụng Luật An ninh để thu giữ hoặc cấm các đĩa nhạc “có vấn đề”, đồng thời siết chặt kiểm duyệt, cấm các đĩa nhạc liên quan đến cách mạng, dán mác “nhạc đỏ”. Các buổi biểu diễn ngày càng phổ biến cũng khiến chính quyền đô hộ siết chặt kiểm soát nhạc biểu diễn và chương trình biểu diễn hơn. Từ năm 1940, các đạo luật liên quan được ban hành để quản lý nghệ sĩ và hoạt động biểu diễn, việc kiểm duyệt kịch bản và kiểm tra trước khi biểu diễn được thực hiện chặt chẽ hơn. Nghệ sĩ phải có “Giấy phép nghệ thuật” và được cảnh sát địa phương chấp thuận mới được phép biểu diễn, với các quy định và chế tài nghiêm ngặt [20].

Nhìn chung, các bài hát thời kì này bị chính quyền thực dân cấm hoặc yêu cầu chỉnh sửa nội dung với lý do vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội. Tuy nhiên, khi xem xét bối cảnh thời kì đó, ảnh hưởng và ý nghĩa của các bài hát này đến công chúng Hàn Quốc mới là lý do chính bị kiểm duyệt. Nói cách khác, kiểm duyệt âm nhạc được sử dụng như một công cụ chính trị để duy trì trật tự thuộc địa và kiểm soát tư tưởng, đời sống của người dân Hàn Quốc. Âm nhạc đại chúng Hàn Quốc bắt đầu phát triển từ

giai đoạn này, kéo theo các quy định kiểm duyệt liên quan và dòng chảy của các quy định này vẫn tiếp tục cho đến các giai đoạn cầm quyền của các chính phủ kế nhiệm. Sau khi giành được độc lập năm 1945, Hàn Quốc vẫn duy trì kiểm duyệt văn hóa, bao gồm âm nhạc, nhưng mang ý nghĩa chính trị và xã hội mới, chủ yếu nhằm duy trì trật tự xã hội và định hướng giá trị dân tộc, phục vụ lợi ích của một quốc gia độc lập. Các chính sách kiểm duyệt âm nhạc ở những giai đoạn sau này không còn mang tính áp bức dân tộc như thời thuộc địa, mà tập trung vào việc hạn chế các ý tưởng hoặc giá trị có thể gây bất ổn xã hội. Nhìn chung, kiểm duyệt âm nhạc thời kỳ Nhật thuộc đã để lại dấu ấn sâu sắc trong cách quản lý âm nhạc đại chúng của Hàn Quốc, hình thành nên các quy tắc và hệ thống kiểm duyệt trong các giai đoạn lịch sử sau này.

4.1.2. Kiểm duyệt âm nhạc từ thời kỳ thể chế Yushin đến trước năm 2008

Sau khi giành độc lập, xu hướng xã hội Hàn Quốc tập trung vào việc xóa bỏ tàn dư di sản của Nhật Bản và sự đối đầu giữa cánh tả và cánh hữu, điều này cũng phản ánh trong việc kiểm duyệt âm nhạc đại chúng của chính phủ. Từ những năm 1960, mục tiêu kiểm soát chủ yếu là các bài hát mang âm hưởng Nhật Bản và những bài hát có nội dung thô tục có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thành lập quốc gia mới. Các tổ chức như Ủy ban Đạo đức Văn hóa và Nghệ thuật, Ủy ban Đạo đức Biểu diễn, Hội đồng Xúc tiến Nghệ thuật Biểu diễn Hàn Quốc và Ủy ban Đạo đức Phát thanh Truyền hình đã được thành lập nhằm thực hiện kiểm duyệt âm nhạc đại chúng [2]. Các cơ quan này về hình thức là cơ quan tự quản của tư nhân, nhưng thực chất là một tổ chức thuộc chính phủ, thực thi nhiệm vụ như cơ quan kiểm duyệt văn hóa của nhà nước.

Sau khi chính thức thi hành thể chế Yushin vào năm 1972, việc kiểm duyệt và kiểm soát văn hóa đại chúng được chú trọng hơn. Chính phủ Park Chung-hee đã công bố “Các biện pháp thanh lọc đối với Hoạt động biểu diễn và tác phẩm âm nhạc” vào năm 1975, tăng cường việc kiểm duyệt các tác phẩm biểu diễn. Tất cả bài hát mới phát hành và các bài hát hiện hành cũng nằm trong đối tượng kiểm duyệt. Các tổ chức đóng vai trò quan trọng trong công việc này là Ủy ban Đạo đức Văn hóa và Nghệ thuật, Ủy ban Đạo đức Phát thanh Truyền hình. Phạm vi kiểm duyệt âm nhạc đại chúng cũng được mở rộng từ kiểm duyệt sau (do Ủy ban Đạo đức Phát thanh truyền hình phụ trách) sang kiểm duyệt trước (do Ủy ban Đạo đức Nghệ thuật và Văn hóa phụ trách), các biện pháp kiểm duyệt và kiểm tra

trở nên nghiêm ngặt hơn. Các bài hát nằm trong danh sách cấm của Ủy ban Đạo đức Phát thanh truyền hình chỉ bị cấm phát sóng hoặc trình diễn, còn các bài hát trong danh sách cấm của Ủy ban Đạo đức Nghệ thuật và Văn hóa bị hạn chế ở phạm vi rộng hơn bao gồm sản xuất, bán và biểu diễn [1]. Các bài hát bị cấm vào thời kỳ này thường là do người viết lời bài hát đào tẩu sang Bắc Triều Tiên, đạo văn từ tiếng Nhật, đạo nhạc Nhật, mang âm hưởng nhạc Nhật, phong cách hát thô tục và lời bài hát thô tục không phù hợp thuần phong mỹ tục. Hình ảnh hoặc thiết kế của bìa album không đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức của chính phủ tại thời điểm đó (kiểu tóc dài, váy ngắn) cũng bị cấm phát hành. Sản phẩm âm nhạc nghệ thuật từ các quốc gia xã hội chủ nghĩa, dù là tác phẩm của những nhà soạn nhạc nổi tiếng thế giới cũng bị hạn chế lưu hành, cho thấy kiểm duyệt âm nhạc giai đoạn này vẫn tiếp tục khuynh hướng kiểm soát sản phẩm âm nhạc từ các nước thù địch như thời kỳ trước.

Lịch sử kiểm duyệt âm nhạc ở Hàn Quốc có thể được xem là lịch sử các nhà cầm quyền sử dụng âm nhạc như một phương tiện kiểm soát chính trị, và công cụ chính là các quy định kiểm duyệt và cấm đoán âm nhạc. Chế độ Park Chung-hee đã công nhận sức mạnh tư tưởng của âm nhạc và tích cực sử dụng nó để duy trì hệ thống cai trị của mình. Ngoài việc kiểm soát sở thích và thị hiếu, việc kiểm soát âm nhạc giai đoạn này còn kiểm soát sâu sắc cuộc sống hàng ngày (ngoại hình, phong cách), biến cuộc sống hàng ngày từ không gian cá nhân thành không gian chính trị và trở thành không gian giám sát và kỷ luật. Ngoài ra, việc kiểm soát âm nhạc đại chúng không chỉ giới hạn ở ý thức xã hội do nội dung tác phẩm tạo ra mà còn nhằm kiểm soát và xác định danh tính của người tạo ra tác phẩm và nhà sản xuất, nhận thức và phản ứng của công chúng đối với tác phẩm và người tạo ra nó, cách người nhận thưởng thức bài hát. Thực thể kiểm soát tổng thể điều này là quyền lực nhà nước cho thấy âm nhạc đại chúng buộc phải gắn liền với sự kiểm soát chính trị của nhà nước. Từ năm 1965 đến 1974, lý do chính khiến các bài hát bị cấm ở Hàn Quốc là do “có màu sắc Nhật Bản” và “đạo nhạc, đạo văn” chiếm 50% các trường hợp. Tuy nhiên, tỷ lệ này giảm xuống còn 8% vào năm 1975 [7]. Sự thay đổi này phản ánh mục tiêu chính trị của chính phủ Hàn Quốc theo từng giai đoạn. Trước năm 1975, việc kiểm duyệt các yếu tố “có màu sắc Nhật Bản” và “đạo nhạc, đạo văn” cho thấy chính phủ muốn loại bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản trong giai đoạn đầu thành lập chính phủ. Đến năm 1975, khi phong trào thanh lọc văn hóa được thực hiện, nhiều bài hát bị cấm do lời

ca không lành mạnh, thể hiện ý chí của chính phủ trong việc thiết lập sự ổn định và bền vững thể chế.

Từ cuối thập niên 1980, trong bối cảnh dân chủ hóa, chính phủ Hàn Quốc đã nới lỏng các lệnh cấm đối với âm nhạc đại chúng, nhưng vẫn duy trì các biện pháp kiểm duyệt nhằm hạn chế tự do ngôn luận. Dù quy định có thay đổi, các nghệ sĩ và công ty sản xuất vẫn phải tự kiểm duyệt, điều này ảnh hưởng đến nhận thức xã hội và quan điểm nghệ thuật. Ngay cả trong thời kỳ dân chủ hóa sau khi thành lập chính quyền dân chủ vào năm 1993, các quy định về kiểm duyệt âm nhạc vẫn gắn liền với mục tiêu chính trị của chính phủ, có cân nhắc phản ánh bối cảnh xã hội và ý kiến của công chúng. Tuy vậy, việc gỡ bỏ lệnh cấm đối với nhiều bài hát trong những năm 1990 cũng thể hiện sự thay đổi trong nhận thức xã hội và quan điểm của chính quyền về tự do ngôn luận và sáng tạo nghệ thuật. Điều này phản ánh sự phát triển của xã hội Hàn Quốc trong bối cảnh dân chủ hóa. Sau phán quyết của Tòa án Hiến pháp về việc bãi bỏ quy chế kiểm duyệt trước đối với các sản phẩm âm nhạc vào năm 1996, việc chuyển giao quyền kiểm duyệt âm nhạc cho các đài phát thanh truyền hình tự quản lý từ những năm 2000 đánh dấu một bước tiến lớn trong việc thúc đẩy tự do sáng tạo và giảm bớt sự kiểm soát của chính phủ đối với các đối tượng liên quan.

Dưới thời chính quyền Kim Dae-jung (1998 - 2003) và Roh Moo-hyun (2003 - 2008), kiểm duyệt âm nhạc được nới lỏng, tạo điều kiện cho những người làm nghệ thuật tự do biểu đạt hơn. Thay vì kiểm duyệt trực tiếp, chính phủ chú trọng vào việc bảo đảm quyền tự do biểu đạt qua cơ chế tự quản lý, cho phép các đài phát thanh truyền hình được tự xét duyệt âm nhạc phù hợp cho việc phát sóng, nhưng vẫn tiến hành kiểm soát phân loại những nội dung âm nhạc không phù hợp trên khía cạnh văn hóa như nội dung gợi cảm, không phù hợp với lứa tuổi vị thành niên, có các yếu tố hình xăm, cần sa. Sau khi Quy chế kiểm duyệt đối với các bài hát và video được bãi bỏ vào năm 1996, quyền lực kiểm duyệt dần chuyển sang các cơ quan như Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên, Hội đồng xếp hạng phương tiện truyền thông Hàn Quốc (KMRB). Năm 2008, Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông Hàn Quốc (KCSC) được thành lập, trở thành một trong số các cơ quan có sức ảnh hưởng lớn đến kiểm duyệt âm nhạc [6].

Như vậy, mặc dù các chính sách và mức độ kiểm duyệt âm nhạc giai đoạn này có sự thay đổi qua các thời kỳ chính phủ khác nhau, nhưng đều có một điểm chung là mục tiêu kiểm soát nội dung văn hóa nhằm duy trì trật tự xã hội và củng cố quyền lực nhà nước. Điều này phản ánh tính liên tục trong việc

kiểm soát văn hóa nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị và ổn định xã hội. Kiểm duyệt âm nhạc được áp dụng để hạn chế những nội dung văn hóa và nghệ thuật có khả năng đe dọa, xung đột với tư tưởng chính thống, từ các quy định nghiêm ngặt trong thời kỳ thể chế Yushin của Park Chung-hee cho đến các quy định kiểm soát văn hóa âm nhạc được nới lỏng nhưng vẫn giới hạn tiêu chuẩn "tự do biểu đạt" dưới thời các chính quyền có chính sách văn hóa cởi mở như Kim Dae-jung, Roh Moo-hyun (2003 - 2008). Sự tiếp nối này làm nổi bật quá trình phát triển của các công cụ, quy chế kiểm duyệt và cách mà chúng được duy trì hoặc điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh chính trị, xã hội thời kì đó, cho thấy tiến trình chuyển mình, thay đổi của kiểm duyệt văn hóa ở Hàn Quốc như một dòng chảy liên tục.

4.2. Thay đổi trong quy chế kiểm định, kiểm duyệt âm nhạc đại chúng của Hàn Quốc từ năm 2008 và ý nghĩa

4.2.1. Thay đổi trong quy chế kiểm định, kiểm duyệt âm nhạc đại chúng Hàn Quốc từ năm 2008

Sau khi Tòa án Hiến pháp Hàn Quốc bãi bỏ quy chế kiểm duyệt âm nhạc vào năm 1996, hệ thống chỉ định các sản phẩm truyền thông có hại cho trẻ vị thành niên đã được áp dụng làm tiêu chuẩn đánh giá âm nhạc. Hệ thống này được thiết lập theo Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên ra đời năm 1997. Tuy nhiên, sau khi Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên được chuyển về dưới sự quản lý của Bộ Y tế, Phúc lợi và Gia đình Hàn Quốc vào năm 2008 (sau đó chuyển về Bộ Phụ nữ và gia đình Hàn Quốc quản lý vào năm 2010), số lượng bài hát bị chỉ định không lành mạnh tăng vọt, dẫn đến tình trạng nhiều bài hát bị hạn chế lưu hành hoặc cấm phát sóng. Theo Kwon J.G (2021), sự gia tăng này diễn ra mạnh mẽ trong giai đoạn đầu cầm quyền của cựu tổng thống Lee Myung-bak (2008 - 2010) và tiếp tục tăng trong nhiệm kỳ của các chính phủ sau đó [6].

Một trong những lý do định hướng kiểm duyệt âm nhạc giai đoạn này tập trung vào đánh giá mức độ không lành mạnh của nội dung đối với trẻ vị thành niên là vì lực lượng chính của âm nhạc đại chúng Hàn Quốc giai đoạn này đã chuyển sang tầng lớp trẻ vị thành niên, âm nhạc hướng đến đối tượng này trở thành thể loại có sức ảnh hưởng lớn. Đối tượng này trở thành yếu tố quan trọng trong sự phát triển của ngành công nghiệp âm nhạc, là những người tiêu dùng có sức mạnh chi phối âm nhạc đại chúng [11]. Nhóm đối tượng này có tính độc lập, bản sắc cá nhân, và việc tiêu thụ các sản phẩm âm nhạc đại chúng đã góp phần vào quá trình khẳng định các bản sắc này. Tuy nhiên, do vẫn đang ở giai đoạn

phát triển tư tưởng, chưa hoàn thiện về ý thức xã hội và tư duy phản biện, họ có nguy cơ tiếp nhận nội dung văn hóa đại chúng một cách lệch lạc. Các nguy cơ này bắt đầu được đưa ra thảo luận nhiều hơn, góp phần vào việc quy định kiểm duyệt âm nhạc đại chúng chuyển hướng sang mục tiêu “bảo vệ trẻ vị thành niên”.

Theo quy định của Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên, các sản phẩm truyền thông có hại cho nhóm đối tượng này cần được xem xét kiểm duyệt. Theo Điều 2 của đạo luật này, các sản phẩm có hại cho trẻ vị thành niên được định nghĩa là “các sản phẩm, nội dung mà Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên và các cơ quan thẩm định đánh giá là có hại cho trẻ vị thành niên, hoặc được Bộ trưởng Bộ Bình đẳng giới và Gia đình công bố” [21]. Các cơ quan xem xét các nội dung này là Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên, Ủy ban Phát thanh Truyền hình, đồng thời cũng liên quan trực tiếp đến việc thẩm định âm nhạc đại chúng. Theo đó, việc kiểm duyệt các bản ghi âm nhạc chủ yếu được áp dụng theo quy định của Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên và Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên, trong khi việc kiểm duyệt các chương trình âm nhạc trên truyền hình vẫn sẽ được áp dụng theo thẩm định của Ủy ban Phát thanh Truyền hình.

Các bài hát bị xếp vào danh mục nội dung không lành mạnh đối với trẻ vị thành niên bị dán nhãn cảnh báo và bị cấm lưu hành cho đối tượng này hoặc bị hạn chế lưu hành. Một số bài hát không được phát sóng từ 7 giờ sáng đến 9 giờ sáng và từ 1 giờ chiều đến 10 giờ tối. Hoạt động phát sóng qua đài phát thanh hoặc các chương trình âm nhạc trên truyền hình cũng bị hạn chế [8]. Các nhà sản xuất âm nhạc của các bài hát bị dán nhãn không lành mạnh phải sửa đổi nội dung lời bài hát hoặc hình ảnh để có thể lưu hành sản phẩm âm nhạc một cách hợp pháp. Vào năm 2008, album “Rainism” của ca sĩ nổi tiếng Bi (Rain) bị thu hồi và được bán với nhãn dán cấm bán cho công dân dưới 19 tuổi. Để nhóm đối tượng trẻ vị thành niên có thể tiếp cận được sản phẩm âm nhạc này, Bi cũng phải phát hành một phiên bản sạch (clean version) của “Rainism” và chỉ được phép hoạt động quảng bá với phiên bản sạch này. Quy chế kiểm duyệt theo định hướng này vẫn tiếp tục được duy trì và mở rộng phạm vi dưới thời tổng thống Lee Myung-bak (2008 - 2013), trở nên nghiêm ngặt hơn dưới thời tổng thống Park Geun-hye (2013 - 2017), và vẫn được duy trì trong nhiệm kỳ của tổng thống Moon Jae-in (2017 - 2022). Điển hình là vào năm 2011, không chỉ sản phẩm âm nhạc của các ca sĩ và nhóm nhạc thần tượng được trẻ vị thành niên yêu thích như TVXQ, 10 cm, Beast mà ngay cả các bài hát của những ca sĩ indie đã phát hành trong quá khứ

cũng nằm trong tầm ngắm. Các bài hát này bị hạn chế các hoạt động biểu diễn trên sóng phát thanh truyền hình và các phương tiện truyền thông do có những từ ngữ có thể gây liên tưởng hành vi uống rượu (On Rainy Day-Beast), hút thuốc lá (Americaco-10cm). Năm 2019, tình trạng tương tự tiếp tục diễn ra đối với các nhóm nhạc thần tượng nổi tiếng ở Hàn Quốc, như bài hát “Kill This Love” của Blackpink bị cấm phát sóng trên đài truyền hình Quốc gia Hàn Quốc KBS do có cảnh quay ca sĩ không thắt dây an toàn khi lái xe, vi phạm luật giao thông đường bộ. Trường hợp này cho thấy cơ chế kiểm duyệt không chỉ tập trung vào nội dung mang tính đạo đức hay gợi cảm trong lời bài hát, hình ảnh như trường hợp bài hát “Rainism” của Bi (Rain), mà mở rộng sang cả những yếu tố được xem là “chuẩn mực hành vi công dân”. Điều này phản ánh cách các đài truyền hình Hàn Quốc tiếp tục sử dụng tiêu chí an toàn, đạo đức như một khuôn khổ để đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm âm nhạc đại chúng.

Năm 2008 cũng đánh dấu sự xuất hiện của Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông Hàn Quốc (KCSC), một cơ quan mới trong hệ thống kiểm duyệt âm nhạc, được thành lập từ sự hợp nhất giữa Ủy ban Phát thanh Truyền hình và Bộ Thông tin và Truyền thông, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Tổng thống. Là một trong những tổ chức chủ chốt dưới thời Tổng thống Lee Myung-bak tại thời điểm đó, cơ quan này xác định trẻ vị thành niên là đối tượng bảo vệ chính và thực hiện kiểm duyệt nội dung âm nhạc dựa trên Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên cùng với các quy định liên quan đến kiểm duyệt phát sóng. Chính định hướng này góp phần làm cho quy định kiểm duyệt âm nhạc gắn bó chặt chẽ hơn nữa đến yếu tố bảo vệ thanh thiếu niên.

Giai đoạn những năm 2000, việc kiểm duyệt phát sóng được giao về cho các cơ quan tự kiểm duyệt của từng đài truyền hình đảm nhận. Tuy nhiên, vào năm 2008, chính phủ Hàn Quốc đã sửa đổi điều khoản “tham gia biểu diễn” trong “Quy định Kiểm duyệt Phát sóng”, trong đó có nội dung liên quan đến việc kiểm duyệt về tư cách biểu diễn của các nhóm thần tượng, vũ đạo có tính khiêu gợi hay không trong các chương trình âm nhạc và giải trí. Kết quả là từ khi Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông Hàn Quốc (KCSC) được thành lập (hoạt động từ 2008 đến 2016) đã có nhiều trường hợp bị cấm sóng, phần lớn là các phần biểu diễn của các nhóm thần tượng (do trang phục, vũ đạo). Các hình thức xử lý đa phần là “cảnh cáo” và “nhắc nhở”.

Như vậy, việc kiểm duyệt nội dung âm nhạc trong giai đoạn sau 2008 không hoàn toàn tập trung vào kiểm duyệt bản thân nội dung sản phẩm (lời bài hát,

giai điệu) mà bao gồm cả kiểm duyệt hình ảnh, trang phục, ngoại hình, hành vi của các nghệ sĩ (ca sĩ, thần tượng). Khi xem xét nội dung báo chí (với khoảng hơn 2,000 bài báo tiếng Hàn tìm kiếm qua từ khóa 'kiểm duyệt âm nhạc', 'xét duyệt âm nhạc' trong giai đoạn 2008 - 2019), phần lớn ý kiến của giới báo chí Hàn Quốc cho rằng tiêu chuẩn kiểm duyệt của các đài phát thanh truyền hình liên quan đến “nội dung truyền thông không lành mạnh với trẻ vị thành niên” hoặc các tiêu chuẩn kiểm duyệt về ảnh hưởng tiêu cực của nội dung âm nhạc đến nhóm đối tượng này được quy định quá trừu tượng, không nhất quán, và khác nhau tùy thuộc vào cách giải thích của từng cá nhân. Các kết luận về tiêu chuẩn mơ hồ như “ca ngợi tội phạm”, “miêu tả hành vi tình dục quá mức”, hoặc “có nguy cơ khuyến khích các mối quan hệ không lành mạnh” cần được cụ thể hóa hơn bằng danh mục các từ vựng cụ thể. Bên cạnh đó, quy trình xét duyệt của các cơ quan liên quan không có nhiều khác biệt so với các cơ quan kiểm duyệt trong quá khứ, gây tranh cãi về tính minh bạch và hợp lý, dẫn đến làn sóng phản đối các phán quyết cấm sóng, hạn chế lưu hành các bài hát bị các cơ quan này đánh giá là không đạt chuẩn trong quá trình kiểm duyệt. Các luồng ý kiến yêu cầu các cơ quan liên quan công nhận quyền tự do thưởng thức âm nhạc của công chúng và sự sáng tạo nghệ thuật của giới nghệ sĩ cũng ngày càng được nhấn mạnh hơn trong giai đoạn này.

4.2.2. Ý nghĩa của việc xét duyệt âm nhạc đại chúng Hàn Quốc sau năm 2008

Việc quản lý âm nhạc đại chúng của Hàn Quốc ít khi tách rời khỏi yếu tố chính trị, điều này được thể hiện rất rõ qua các phân tích tổng hợp liên quan nêu trên trong các giai đoạn lịch sử của Hàn Quốc. Nhìn lại giai đoạn sau năm 2008, là thời điểm bắt đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Lee Myung-bak, không giống như các chính phủ dân chủ và cởi mở của Kim Dae-jung và Roh Moo-hyun, chính phủ Lee Myung-bak theo đuổi nền chính trị bảo thủ, nhấn mạnh vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Vì là thể lực chính trị mới thiết lập, chính phủ mới cần phải minh chứng được sự khác biệt rõ ràng với chính quyền tiền nhiệm, thực hiện các chính sách vững chắc để nhận được sự tin tưởng, đoàn kết của người dân, duy trì quyền lực chính trị. Để thực hiện những mục tiêu này, việc khôi phục lại quy chế thẩm định âm nhạc đại chúng là điều có thể phần nào hiểu được. Điểm khác biệt so với giai đoạn trước là danh nghĩa thực hiện thẩm định được quy về “bảo vệ trẻ vị thành niên”. Số lượng các sản phẩm âm nhạc bị gắn nhãn không phù hợp, không lành mạnh đối với đối tượng trẻ vị thành niên giai đoạn này tăng vọt so với giai

đoạn chính quyền trước đó. Như vậy, trong giai đoạn cầm quyền của tổng thống Lee Myung-bak, cơ chế kiểm duyệt bảo thủ nghiêm ngặt được phục hồi và tái cấu trúc dưới danh nghĩa các cơ quan “bảo vệ trẻ vị thành niên”, góp phần định hình quyền lực chính trị cho các nhà cầm quyền.

Bên cạnh đó, một đặc điểm nổi bật trong chính sách văn hóa dưới thời tổng thống Lee Myung-bak là sự kế thừa tầm nhìn tập trung vào giá trị thương mại của văn hóa đại chúng Hàn Quốc từ thời tổng thống Roh Moo-hyun [22]. Giai đoạn này chứng kiến sự bùng nổ của K-pop và làn sóng Hallyu thứ hai trên toàn cầu, không còn hạn hẹp ở phạm vi châu Á. Do đó, chính phủ Hàn Quốc đã sử dụng văn hóa đại chúng như một công cụ phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Qua “Tầm nhìn văn hóa 2012” công bố năm 2008, chính sách văn hóa được định hướng lại theo “chủ nghĩa thực dụng sáng tạo”, nhấn mạnh “tính thương mại” và trách nhiệm, nghĩa vụ của âm nhạc đại chúng trong việc phát triển đất nước, từ đó cải tổ các chính sách mới nhằm hỗ trợ các nội dung, nhân tố nghệ thuật có tiềm năng phát triển đóng góp cho xã hội. Đồng thời, các nhân tố, nội dung nghệ thuật gây cản trở mục tiêu này đều bị kiểm soát, hạn chế, thậm chí cấm vận thông qua các cơ chế kiểm duyệt đã đề cập nêu trên.

Như vậy, mặc dù Hàn Quốc đã bước vào thời kỳ xã hội và chính phủ dân chủ, nhưng chính phủ nước này vẫn có khuynh hướng can thiệp vào việc thưởng thức âm nhạc của người dân, vẫn có sự hạn chế tự do khám phá tư tưởng và biểu đạt nghệ thuật, đồng thời kiểm soát người dân thông qua các công cụ giám sát kiểm duyệt nghệ thuật, các quy định xử phạt liên quan. Giai đoạn sau 2008 được xem là giai đoạn Hàn Quốc bước vào kỷ nguyên kiểm duyệt mới với danh nghĩa bảo vệ trẻ vị thành niên, và lĩnh vực âm nhạc đại chúng cũng nằm trong phạm vi này.

Mặt khác, Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên đã được thiết lập từ năm 1997, nhưng tại sao quy định kiểm duyệt âm nhạc đại chúng liên quan dưới danh nghĩa thi hành đạo luật này tại Hàn Quốc lại được siết chặt hơn từ năm 2008? Có thể giải thích tương tự như các lý do trong các giai đoạn trước, phụ thuộc vào sự biến động xã hội và chính trị cùng với tính chất của chính phủ cầm quyền tại nước này. Từ cuối những năm 1990 đến trước năm 2008, chính phủ Hàn Quốc theo đuổi mục tiêu dân chủ, tập trung vào việc mở cửa văn hóa và bành trướng văn hóa đại chúng Hàn Quốc ra thế giới thay vì thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt đối với văn hóa nghệ thuật. Từ năm 2008, kinh tế Hàn Quốc suy giảm, chính phủ mới với tính chất bảo thủ đã hồi sinh và tăng cường các mô hình kiểm duyệt âm nhạc đã được áp dụng

trong quá khứ, căn cứ theo những bài học kinh nghiệm từ các chính quyền tiền nhiệm nhằm đạt cùng lúc hai mục tiêu: Kiểm soát ổn định về mặt quyền lực chính trị tập trung và định hướng các nội dung văn hóa cho mục tiêu phát triển kinh tế quốc gia. Khuynh hướng này vẫn duy trì trong nhiệm kỳ của các tổng thống kế nhiệm. Tuy vậy, tình hình xã hội giai đoạn từ sau 2008 đã thay đổi nhiều so với quá khứ, quyền tự do bày tỏ quan điểm cũng được coi trọng, dẫn đến sự kháng cự mạnh mẽ từ phía công chúng, nhà sáng tạo nghệ thuật, nghệ sĩ đối với những quy định này. Như vậy, thái độ của xã hội Hàn Quốc đối với quy định âm nhạc đại chúng trong giai đoạn này không còn là sự chấp nhận thụ động mà còn thể hiện sự chủ động phê phán, phản biện, thương thảo đối sách khắc phục thông qua sự phản hồi không ngừng nghỉ về các quy định liên quan.

5. KẾT LUẬN

Kiểm duyệt âm nhạc tại Hàn Quốc bắt đầu khá sớm, gần như song song với lịch sử phát triển âm nhạc nước này, các chính phủ cầm quyền áp dụng cả phương pháp cứng rắn (cấm đoán, kiểm duyệt) và phương pháp mềm mỏng (giáo dục) để khuyến khích người thưởng thức âm nhạc tự kiểm duyệt nội dung, từ đó can thiệp vào quyền thưởng thức âm nhạc của người dân để thống trị. Sau khi thể chế Yushin kết thúc, chính sách âm nhạc đại chúng của Hàn Quốc đã chuyển hướng sang "nới lỏng quy

định" và "tăng cường hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp âm nhạc". Từ giai đoạn cầm quyền của tổng thống Lee Myung-bak, các cơ quan như đài truyền hình, "Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông", "Ủy ban Bảo vệ Trẻ vị thành niên" xem xét nội dung âm nhạc dựa trên "Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên" và các cơ chế này duy trì vai trò kiểm duyệt, góp phần thực hiện kiểm soát trật tự xã hội và ổn định chính trị.

Việc thành lập Ủy ban Tiêu chuẩn Truyền thông vào năm 2008 và áp dụng Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên như một công cụ kiểm duyệt âm nhạc (bao gồm cả chương trình âm nhạc) mạnh mẽ từ giai đoạn này kế thừa các đặc điểm của hệ thống xét duyệt, kiểm duyệt trong quá khứ, cho thấy những đặc điểm kiểm soát nghiêm ngặt đối với âm nhạc vẫn tiếp tục tồn tại. Nguồn gốc sâu xa của việc lấy danh nghĩa "bảo vệ trẻ vị thành niên" làm tiền đề, lý do cho các quy định kiểm duyệt âm nhạc đại chúng bắt nguồn từ sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Hàn Quốc từ những năm 90, khi trẻ vị thành niên trở thành người tiêu dùng chính của âm nhạc đại chúng. Sự ủng hộ của trẻ vị thành niên đối với âm nhạc đại diện cho họ tạo ra sức mạnh chính trị xã hội không hề nhỏ và có khả năng trở thành mối nguy cơ về chính trị, trật tự xã hội cho chính phủ cầm quyền. Chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập danh nghĩa 'bảo vệ trẻ vị thành niên' và thực thi Luật Bảo vệ Trẻ vị thành niên để kiểm soát âm nhạc và điều chỉnh giá trị xã hội theo mục tiêu hoạch định của nhà cầm quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] E. K. Kim, "A study on the music control aspects of the Yushin regime: Focusing on censorship mechanisms and prohibited songs," *Democracy and Human Rights*, vol. 11, no. 2, pp. 67-96, 2011.
- [2] O. B. Moon, "A study on the government's music control after liberation," *Institute of Music Research*, Hanyang University, vol. 22, pp. 25-64, 2008.
- [3] L. Althusser, *Ideology and Ideological State Apparatuses (Notes towards an Investigation)*, in *Lenin and Philosophy and Other Essays*. New York, NY, USA: Monthly Review Press, 1971, pp. 3-38.
- [4] M. Foucault, *Surveiller et punir: Naissance de la prison*. Paris, France: Gallimard, 1975.
- [5] A. Giddens, *The Constitution of Society: Outline of the Theory of Structuration*. Cambridge, UK: Polity Press, 1984.
- [6] J. G. Kwon, "The change of regulation aspect of Korean popular music after abolition of pre-

- censorship system," *Korean Journal of Popular Music*, vol. 28, pp. 9-53, 2021.
- [7] J. G. Kwon, "The dynamics of regulation and resistance in Korean popular music and its reversal," *World Musicology*, vol. 34, pp. 77-104, 2016.
- [8] Korean Association for Broadcasting & Telecommunication Studies, *Research on Broadcasting Review Policies for Protecting Children and Adolescents: Focusing on the Broadcasting Program Rating System and Youth Viewing Protection Time Zones*. Seoul, Korea: KABTS, 2015.
- [9] J.H. Lee, "A study on record censorship during the Japanese occupation period," *Korean Culture*, vol. 39, pp. 164-176, 2007.
- [10] D. W. Na, "The era of censorship and the censorship of the era," *Hwanghae Culture*, vol. 69, pp. 404-411, 2010.
- [11] K. Lee, *The Era of Hallyu: From Cassette Tapes*

to Streaming. Seoul, Korea: Hanul Academy, 2016.

[12] Korea Communications Standards Commission, *2023 Broadcasting Review Annual Report*. Seoul, South Korea: KCSC, 2024. Available online: <https://www.kcscgw.org/resources/publication-landing-page/annual-report/>

[13] Korea Creative Content Agency, *2023 Content Industry White Paper*. Seoul, South Korea: KOCCA, 2024. Available online: https://www.kocca.kr/download/cop/kocca_esg_e_v1.pdf

[14] S.H. Park, "The delayed democratization of cultural policy: Focusing on the politics surrounding the independence of the Ministry of Culture and the abolition of censorship," *Journal of Culture Contents*, no. 29, pp. 107-168, 2023. doi: 10.34227/tjocc.2023.29.107.

[15] C. Webber, *The History of Censorship in South Korean Entertainment*. M.A. thesis, Millersville University, Millersville, PA, USA, 2024. Available online: <https://millersville.tind.io>.

[16] S. Ujjwal and P. Pranjali, "K-pop & hyper-consumerism: A colorful chaos," *International Journal of Law Management & Humanities*, vol. 6, no. 5, pp. 2147-2154, 2023. doi: 10.1000/IJLMH.116003.

[17] Y. Oh, "Comparison of the factors behind K-pop's international success and the popular music industries of its neighbors," *BCPSSH*, vol. 20, pp. 266-270, 2022. doi: 10.54691/bcpssh.v20i.2327.

[18] O. B. Moon, "A study on music control during the Japanese colonial period," *Korean Musicology Society*, vol. 13, pp. 381-427, 2006.

[19] H. J. Kang, "A study on the control of national music by the Government-General of Korea: Focusing on music textbooks," *National Music Education*, vol. 29, pp. 7-30, 2010.

[20] J.H. Lee, "A study on record censorship during the Japanese occupation period," *Korean Culture*, vol. 39, pp. 164-176, 2007.

[21] Korea Law Information Center, *Act on the Promotion of Information and Communications Network Utilization and Information Protection*. Available: <https://www.law.go.kr/lsInfoP.do?lsiSeq=113198#0000>.

[22] B. Lee and S. Hwang, "The ideology and the policy: Comparing cultural policies of the Roh Moo-Hyun and the Lee Myung-Bak administration," *The Journal of Korean Policy Studies*, vol. 12, no. 3, pp. 255-270, 2012.

Music censorship regulation in South Korea: The 2008 - 2019 period

Nguyen Thi Hanh Dung

ABSTRACT

The analysis of Korean popular music censorship mainly focuses on the period from the Japanese colonial period to the 1990s, regarding the subjects of inspection and censorship (lyrics, singers, composers, etc.) and the censorship organizations. Changes in censorship regulations occurred after 2000, particularly since 2008; however, these changes during this period have yet to be carefully studied. Through a thorough analysis of previous studies and Korean press articles, this paper focuses on the changes in popular music censorship regulations from 2008 to the present. This analysis helps clarify the political and social significance of this phenomenon, as well as the Korean public's reactions to it.

Keywords: Korean music industry, Hallyu, K-pop, Korea, music censorship in Korea

Received: 06/9/2025

Revised: 26/11/2025

Accepted for publication: 28/01/2026